

ĐƠN GIÁ NHÂN CÔNG XÂY DỰNG CHUYỂN ĐỔI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH KHÁNH HÒA

(Kèm theo Quyết định 646 /QĐ-SXD ngày 03 /7/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa)

Stt	Nhóm nhân công	Tên nhân công (Loại công tác)	Đơn vị tính	Giá nhân công xây dựng (đồng)		
				Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
				Vùng II	Vùng III	Vùng IV
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
I	Nhóm nhân công xây dựng					
1	Nhóm 1			232.470	227.549	219.374
1.1	Nhóm 1	Chặt cây ở địa hình bằng phẳng	công	232.470	227.549	219.374
1.2	Nhóm 1	Phá dỡ kết cấu bằng máy	công	232.470	227.549	219.374
1.3	Nhóm 1	Đào móng bằng thủ công	công	232.470	227.549	219.374
1.4	Nhóm 1	Đắp đất nền móng công trình	công	232.470	227.549	219.374
1.5	Nhóm 1	Đắp đất nền đường	công	232.470	227.549	219.374
1.6	Nhóm 1	Xói hút đất từ tàu hút phun, hút bụng	công	232.470	227.549	219.374
2	Nhóm 2			289.152	273.521	260.101
2.1	Nhóm 2	Đóng cọc bê tông cốt thép	công	285.088	269.677	256.445
2.2	Nhóm 2	Bê tông tường, dầm	công	285.088	269.677	256.445
2.3	Nhóm 2	Cốt thép tường, dầm	công	285.088	269.677	256.445
2.4	Nhóm 2	Ván khuôn thép móng, tường	công	309.471	292.741	278.378
2.5	Nhóm 2	Thảm bê tông nhựa	công	285.088	269.677	256.445
2.6	Nhóm 2	Xây tường gạch	công	285.088	269.677	256.445
3	Nhóm 3			302.504	286.151	272.111
3.1	Nhóm 3	Gia công vì kèo thép	công	309.471	292.741	278.378

3.2	Nhóm 3	Gia công cột thép	công	309.471	292.741	278.378
3.3	Nhóm 3	Trát tường	công	285.088	269.677	256.445
3.4	Nhóm 3	Trát trụ, cột	công	309.471	292.741	278.378
3.5	Nhóm 3	Ốp gạch tường	công	309.471	292.741	278.378
3.6	Nhóm 3	Lát nền, sàn	công	309.471	292.741	278.378
3.7	Nhóm 3	Lắp đặt hệ thống điện: quạt, đèn, điều hòa cục bộ	công	285.088	269.677	256.445
4	Nhóm 4			325.024	307.450	293.351
4.1	Nhóm 4	Rải căng dây đường dây tải điện (nhôm, đồng, thép) bằng thủ công và bằng máy	công	336.666	318.467	302.841
4.2	Nhóm 4	Lắp đặt máy biến áp	công	336.666	318.467	302.841
4.3	Nhóm 4	Thí nghiệm độ chặt nền đường	công	309.471	292.741	278.378
4.4	Nhóm 4	Lắp đặt máy và thiết bị cần cầu, cầu trục	công	317.292	300.125	289.342
II	Nhóm nhân công vận hành, điều khiển máy					
1	Nhân công vận hành máy, điều khiển máy			330.984	310.681	298.428
1.1		Máy đào một gầu, bánh xích - dung tích gầu 1,60 m ³	công	327.347	307.267	295.148
1.2		Cần cầu bánh xích - sức nâng 80t	công	783.649	735.578	706.567
1.3		Máy đóng cọc tự hành, bánh xích - trọng lượng đầu búa 3,5t	công	384.881	361.271	347.023
1.4		Trạm trộn bê tông - năng suất 90 m ³ /h	công	936.411	878.969	844.303

1.5		Máy rải hỗn hợp bê tông nhựa - năng suất 130 cv - 140 cv	công	660.646	620.120	595.663
1.6		Máy khoan xoay đập tự hành, khí nén (chưa tính khí nén) - đường kính khoan D105-110 mm	công	603.112	566.116	543.788
1.7		Máy cắt uốn cốt thép - công suất 5 kW	công	275.765	258.849	248.640
2	Lái xe			310.500	291.454	279.959
2.1		Cần trục ô tô - sức nâng 16 t	công	613.334	575.712	553.005
2.2		Xe nâng - chiều cao nâng 18 m	công	613.334	575.712	553.005
2.3		Máy phun nhựa đường - công suất 190 cv	công	613.334	575.712	553.005
2.4		Ô tô vận tải thùng - trọng tải 10 t	công	301.556	283.058	271.894
2.5		Ô tô tự đổ - trọng tải 15 t	công	357.778	335.832	322.586
2.6		Ô tô chuyển trộn bê tông - dung tích thùng trộn 10,7 m ³	công	613.334	575.712	553.005
2.7		Xe bơm bê tông tự hành - năng suất 60 m ³ /h	công	613.334	575.712	553.005
3	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện					
	Thủy thủ, thợ máy, thợ điện		công	477.000	443.000	422.000
4	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II					
	Máy trưởng, máy I, máy II, điện trưởng, kỹ thuật viên cuộc I, kỹ thuật viên cuộc II		công	477.000	443.000	422.000
5	Thuyền trưởng, thuyền phó					

	Thuyền trưởng, thuyền phó		công	477.000	443.000	422.000
III	Nhóm nhân công thực hiện các công tác khác					
1	Kỹ sư thực hiện khảo sát, thí nghiệm		công	310.818	296.438	287.342
2	Thợ lặn		công	628.000	587.000	562.000
3	Nghệ nhân		công	568.000	527.000	502.000

*** Khu vực áp dụng đơn giá nhân công xây dựng chuyển đổi năm 2026 trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa**

- Khu vực 2 (vùng II), gồm các phường Nha Trang, Bắc Nha Trang, Tây Nha Trang, Nam Nha Trang, Bắc Cam Ranh, Cam Ranh, Cam Linh, Ba Ngòi, Ninh Hòa, Đông Ninh Hòa, Hòa Thắng, Phan Rang, Đông Hải, Ninh Chữ, Bảo An, Đô Vinh và các xã Nam Cam Ranh, Bắc Ninh Hòa, Tân Định, Nam Ninh Hòa, Tây Ninh Hòa, Hòa Trí, Thuận Bắc, Công Hải.

- Khu vực 3 (vùng III), gồm các xã Đại Lãnh, Tu Bông, Vạn Thắng, Vạn Ninh, Vạn Hưng, Diên Khánh, Diên Lạc, Diên Điền, Suối Hiệp, Diên Thọ, Diên Lâm, Cam Lâm, Suối Dầu, Cam Hiệp, Cam An, Ninh Phước, Phước Hữu, Phước Hậu, Phước Dinh, Ninh Hải, Xuân Hải, Vĩnh Hải, Ninh Sơn, Lâm Sơn, Anh Dũng, Mỹ Sơn, Thuận Nam, Cà Ná, Phước Hà.

- Khu vực 4 (vùng IV), gồm các xã, phường còn lại trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (không áp dụng cho địa bàn xã đảo Trường Sa).